

Bản án số: 161/2020/HS-PT

Ngày: 14/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Tuấn;

Ông Ngô Tự Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại H, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 759/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo Lã Huy T, Nguyễn Ánh H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2019/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lã Huy T, sinh ngày 22/3/1981 tại thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, xã Q, huyện L, thành phố H; chỗ ở: số 35 ngõ 72 phố A; phường X, quận B, thành phố H; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lã Tiến T và bà Vũ Thị L (đã chết), có vợ là Lê Huyền T và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1998 bị Công an huyện L, thành phố H xử lý hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2017 đến ngày 20/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/4/1977 tại thành phố H; hộ khẩu thường trú: số 488 phố B, phường Đ, quận T, thành phố H; chỗ ở: số 41/32/76 phố A, phường Y, quận T, thành phố H; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị T; chồng là Hoàng Anh T (đã ly hôn) chồng hiện nay Dương Minh H, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ

nhất sinh năm 2007; tiền án: Ngày 21/7/1999, Tòa án nhân dân quận C, thành phố H xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2017 đến ngày 13/02/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện tại ngoại; vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lã Huy T:* Luật sư Nguyễn Khánh T, Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Ánh H:* Luật sư Đặng Thị Vân T, Văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

* *Người bị hại không kháng cáo:*

1. Anh Đào Công V, sinh năm 1988; địa chỉ: Đội 2 V, phường P, quận Đ, thành phố H; vắng mặt.

2. Anh Cao Quang A, sinh năm 1988; địa chỉ: Phòng 630-CT8B đô thị Đ, xã G, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Chị Đặng Nhật L, sinh năm 1996; địa chỉ: số 40 phố H, phường Y, quận Đ, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua quan hệ xã hội, Tô Tuyết N (sinh năm 1973, trú tại số nhà 102, tập thể C8 G, phường G, quận B, thành phố H) quen người phụ nữ tên là K (chưa xác định được nhân thân). Đầu tháng 9/2016, K gọi điện rủ N tham gia kinh doanh tiền ảo (tiền Bitcoin) trên mạng internet và nói đang đầu tư kinh doanh loại tiền này rất lãi. Tin tưởng K và qua tìm hiểu về hình thức kinh doanh tiền ảo Bitcoin nên N đồng ý đầu tư kinh doanh tiền ảo. Thông qua K giới thiệu, N biết anh Cao Quang A (sinh năm 1978, trú tại P630 - CT8B, đô thị Đ, xã G, huyện T, thành phố H). Qua điện thoại, anh A hướng dẫn N cách thức đầu tư tiền ảo và giới thiệu cho N 02 gói đầu tư là 70 ngày và 80 ngày. Hàng ngày, hệ thống sẽ trả tiền gốc và tiền lãi, quy đổi ra tiền ảo Bitcoin trả vào tài khoản cho khách hàng. N nhờ anh A mua giúp 02 Bitcoin với giá 17.000.000đồng/1 Bitcoin, thành tiền là 34.000.000 đồng. Anh A hướng dẫn qua điện thoại để N chuyển tiền mua Bitcoin. Sau đó, hàng ngày hệ thống kinh doanh tiền ảo có máy chủ ở nước ngoài trả lãi đều đặn vào tài khoản Bitcoin của N. Khoảng cuối tháng 9/2016, anh A mời N đến dự hội thảo về tiền ảo Bitcoin tại Trung tâm tiệc cưới Hoàng Gia ở phố Hoàng Đạo Thúy, quận cầu Giấy, thành phố H. Khi kết thúc hội thảo, N nhờ anh A làm thủ tục để N mua 04 gói đầu tư: 02 gói loại 15 Bitcoin và 02 gói loại 10 Bitcoin, tổng số là 50 Bitcoin, với giá 17.000.000đồng/1 Bitcoin, thành tiền là 850.000.000 đồng. Sau khi mua được 04 gói Bitcoin trên, 01 tuần đầu hệ thống kinh doanh tiền ảo Bitcoin trên mạng

internet chuyển trả tiền đều đặn vào tài khoản Bitcoin của N. Do thấy kinh doanh tốt nên N rủ bạn là Bùi Phương B (sinh năm 1984, trú tại số nhà 10, ngõ 115, phố Đ, phường Đ, quận M, thành phố H) cùng kinh doanh tiền ảo Bitcoin. Bùi Phương B rủ thêm bạn là Nguyễn Ánh H (sinh năm 1977, trú tại số nhà 41/32/76, phố A, phường Y, quận T, thành phố H) và Lã Huy T (sinh năm 1981, trú tại số nhà 35, ngõ 72, phố T, phường P, quận B, thành phố H) cùng tham gia đầu tư kinh doanh tiền ảo Bitcoin trên mạng internet. Tất cả thống nhất cùng kinh doanh và góp vốn theo tỷ lệ: Bùi Phương B góp 300.000.000 đồng, H và T mỗi người góp 50.000.000 đồng. Thông qua Phương B chuyển 400.000.000 đồng cho N để N mua Bitcoin cho Phương B. N dùng số tiền trên mua tiền ảo Bitcoin trên mạng internet cho Phương B, H và T. Trong 05 ngày đầu, hệ thống kinh doanh tiền ảo Bitcoin trên mạng internet trả tiền gốc và tiền lãi đều đặn vào tài khoản Bitcoin của N, Phương B, H và T. Nhưng sau đó hệ thống kinh doanh tiền ảo Bitcoin thông báo ngừng hoạt động tại Việt Nam, đến ngày 01/4/2017 sẽ hoạt động trở lại. N nghĩ anh A là người điều hành hệ thống kinh doanh tiền ảo nên gọi điện thoại di động để hỏi thì thấy anh A tắt máy, không liên lạc được nên N, Phương B, H, T nghĩ đã bị anh A lừa. N gọi điện cho chị K kể lại sự việc thì được chị K cung cấp số điện thoại của anh Đào Công V (sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố 2, phường V, quận H, thành phố H) để N liên lạc. K nói với N anh V là người đầu tổng của hệ thống kinh doanh tiền ảo Bitcoin.

Nghĩ mình bị anh V và anh A lừa nên sáng ngày 02/01/2017, N cho Phương B số điện thoại của anh V để Phương B gọi điện hẹn gặp anh V nói chuyện. Anh V đồng ý gặp và hẹn Phương B tại quán cafe Highlands, địa chỉ tại tòa nhà 17T1, phố Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố H. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Phương B bảo Phạm Hùng D (sinh năm 1977, trú tại xã Đông X, huyện Đông H, tỉnh T, là người lái xe thuê cho Phương B) dùng xe ô tô nhãn hiệu Mazda6, biển kiểm soát 30A-461.xx chở Phương B và N đến quán cafe Highlands, đồng thời Phương B gọi điện thoại cho T thông báo đã tìm, hẹn gặp được anh A, anh V và bảo T đến cùng giải quyết. Nhận được điện thoại của Phương B, T rủ thêm P (là bạn của T, không xác định được lai lịch) và cùng H đến quán cafe Highlands ở tòa nhà 17T1, phố Hoàng Đạo Thúy. Khi đến quán cafe trên, N cùng Phương B, H, T và P vào gặp anh V, còn D ngồi ngoài trông xe ô tô. Tại đây, N cùng Phương B, H yêu cầu anh V phải trả số tiền mà N và Phương B đã mua Bitcoin tổng số là 1.380.000.000 đồng. Anh V nói với N, Phương B, H, T và P là không liên quan và nói anh A là người trực tiếp hướng dẫn cho N và Phương B kinh doanh tiền ảo Bitcoin nên đề nghị gọi anh A đến giải quyết. Sau đó, theo yêu cầu của N và Phương B, anh V đã gọi điện thoại cho anh A đến giải quyết. Khi anh A đến quán cafe Highlands thì bị Phương B, N, H, T và P đe dọa, yêu cầu anh A và anh V phải trả số tiền 1.380.000.000 đồng nhưng anh A và anh V không đồng ý. Phương B dùng tay tát 02 cái vào mặt anh V. Cùng lúc này, T cùng P và H cũng

dùng tay tát vào mặt anh V và bắt ép anh V và anh A phải trả tiền. Khi N xem thấy trong tài khoản của anh V còn 08 Bitcoin (tương đương 160.000.000 đồng theo thời giá ngày 02/01/2017) nên yêu cầu anh V phải chuyển 08 Bitcoin vào tài khoản của N.

Do sợ bị đánh nên anh V đồng ý chuyển 08 Bitcoin cho N thì nhóm của N không đánh anh V nữa. Khi bị Phương B và đồng bọn đánh, anh V buộc phải nói sẽ đưa cho nhóm của Phương B 20.000.000 đồng đang để trong ví nhưng Phương B không đồng ý và chê ít. Tiếp theo, N cùng Phương B, T, H và P yêu cầu anh V, anh A, mỗi người phải viết 01 Giấy biên nhận vay tiền 700.000.000 đồng, nhưng anh V và anh A không đồng ý viết. Do anh V đã trả 08 Bitcoin cho N nên các đối tượng trên quay sang ép anh A trả tiền. Anh A nói “không có tiền” nên T cùng Phương B, H và P tiếp tục dùng tay đánh vào mặt và chửi anh A. Do trước đó, N và Phương B đã thống nhất nếu anh V và anh A không trả tiền thì yêu cầu anh A, anh V phải viết giấy nhận nợ. N lấy một quyển vở ô ly đưa cho anh A bắt viết giấy nhận nợ nhưng anh A không viết. Do N, Phương B, T, H và P to tiếng đe dọa, chửi anh V và anh A nên nh viên quán cafe Highlands không cho ngồi ở quán. Phương B và đồng bọn yêu cầu anh A và anh V đi cùng N, Phương B, T, H và P về quán bia ở số nhà 2/76, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố H để giải quyết tiếp. Sau đó, D lái xe ô tô Mazda6 biển kiểm soát 30A-461.xx chở N, T, P và anh A, anh V đến quán bia. Tại đây, N cùng T, P yêu cầu anh A, anh V ngồi vào bàn rồi gọi bia ra uống, còn D ngồi ở bàn khác. N lấy giấy, bút ra viết Giấy biên nhận vay tiền, nội dung: *Hôm nay ngày 02/01/2017, tôi tên là Tô Tuyết N, tôi đã chuyển số tiền 800.000.000 đồng cho anh Cao Quang A số chứng minh nhân thân 027078000076 cấp ngày 12/8/2014, địa chỉ L, tỉnh B, anh A hẹn ngày 28/01/2017 chuyển trả tôi số tiền vay, tôi làm giấy này trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo và tự nguyện không bị ép buộc, nếu đúng ngày tôi không trả số tiền trên, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. N vừa viết xong Giấy biên nhận vay tiền thì Phương B và H đi xe máy đến quán bia. Tất cả vào cùng yêu cầu và bắt anh A ký vào Giấy biên nhận vay tiền trên. Do anh A không ký nên T, Phương B, H, P dùng tay tát và đấm vào mặt anh A. Do bị đánh đau và sợ nên anh A buộc phải ký vào Giấy biên nhận vay tiền nhưng xin bớt 300.000.000 đồng, chỉ viết giấy biên nhận vay tiền số tiền 500.000.000 đồng. N đồng ý và lấy tờ Giấy biên nhận vay tiền N vừa viết có nội dung anh A nhận vay 800.000.000 đồng của N để anh A viết tiếp vào mặt sau. Anh A cầm tờ giấy N đưa viết nội dung *“Tôi đã gửi chị N 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 500.000.000 đồng tôi sẽ T toán và trả chị dần mỗi tháng 2.000.000 đồng”* rồi ký tên vào Giấy biên nhận vay tiền. Anh A viết xong, H cầm tờ Giấy biên nhận vay tiền đọc lại rồi lấy hộp mực dấu đỏ, yêu cầu anh A điểm chỉ 02 ngón trỏ vào tờ Giấy biên nhận vay tiền trên. Sau khi anh A đã viết giấy nhận nợ, Phương B, N, T, H, P quay sang yêu cầu anh V viết giấy nhận nợ. Do sợ bị đánh nên anh V nói với nhóm của N sẽ gọi điện cho bạn gái là chị Đặng Nhật L (sinh năm 1996, trú tại số

nhà 40, phố Huynh nhân thân K, phường Y, quận Đ, thành phố H) đem 100.000.000 đồng đến đưa cho nhóm của N thì các đối tượng trên đồng ý. Khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, anh V gọi điện thoại cho chị L đem tiền đến đưa cho nhóm của N. Sau khi được anh V báo, chị L đã đi trình báo cơ quan Công an và mang tiền đến gặp anh V. Trong thời gian chờ chị L đem tiền đến, T bảo tất cả về nhà T để ăn lẩu, còn P đi về. Khi đến nhà T, anh A xin về trước, còn anh V ở lại nhà T cùng H, Phương B, N, D. Tại đây, N và đồng bọn ăn lẩu và chờ L đem tiền đến. Do chờ lâu chưa thấy chị L đến, anh V đã lấy 20.000.000 đồng của mình đưa cho Phương B. Sau đó anh V chuyển khoản tiếp cho Phương B 30.000.000 đồng, chuyển khoản cho N 27.900.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Phương B, N, H và T cùng anh V đi ra đường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố H gặp chị L để lấy tiền thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ.

Quá trình bắt giữ các đối tượng, Cơ quan Công an đã thu giữ vật chứng gồm: 01 tờ Giấy biên nhận vay tiền do Tô Tuyết N viết và cùng đồng bọn dùng vũ lực bắt, ép anh A ký, điểm chỉ; 01 chiếc xe ô tô hiệu Madaz6 màu trắng, biển kiểm soát 30A-461.88, số máy PE30723089, số khung 47A6EC010485 của Bùi Phương B và 20.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 3270 ngày 31/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận:

- Chữ viết ở mặt trước trên “Giấy biên nhận vay tiền” với chữ viết của Tô Tuyết N trên các tài liệu mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung “Tôi đã gửi chị N...” ở mặt sau “Giấy biên nhận vay tiền” với chữ viết của anh Cao Quang A trên các tài liệu mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra.

Ngày 25/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình nhân thân trả cho Bùi Phương B chiếc xe ô tô hiệu Madaz6 màu trắng, biển kiểm soát 30A-461.xx, số máy PE307230xx, số khung 47A6EC0104xx; trả lại anh Đào Công V số tiền 20.000.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra vụ án, đại diện gia đình bị can Tô Tuyết N là anh Nguyễn Cảnh C (sinh năm 1974, trú tại số nhà 83, phố Quán T, phường Quán T, quận Đ, thành phố H) đã bồi thường cho bị hại Đào Công V số tiền 188.000.000 đồng. Bị can Bùi Phương B đã bồi thường cho bị hại Đào Công V số tiền 50.000.000 đồng.

Anh Đào Công V và anh Cao Quang A bị nhóm của Tô Tuyết N đánh gây thương tích nhẹ nên đã từ chối giám định nhân thân thương tích; Anh A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lã Huy T, Nguyễn Ánh H (bút lục 166); Anh V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Ánh H và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với Lã Huy T (bút lục 162).

Trong giai đoạn điều tra vụ án, các bị can Bùi Phương B và Tô Tuyết N có biểu hiện mắc bệnh tâm thần nên Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Phương B và N. Theo Kết luận giám định của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận: Tại thời điểm giám định (sau khi thực hiện hành vi phạm tội), các bị can Bùi Phương B và Tô Tuyết N bị bệnh tâm thần, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi cần được áp dụng chữa bệnh. Do đó ngày 06/10/2017 và ngày 31/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và các ngày 16/10/2017, 05/02/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Bùi Phương B và Tô Tuyết N về tội “Cướp tài sản”, khi nào khỏi bệnh sẽ đưa ra xử lý sau.

Đối với Phạm Hùng D là người lái xe ô tô chở Bùi Phương B đến quán cafe Highlands, địa chỉ tại tòa nhà 17T1, phố Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố H. Khi Phương B và đồng bọn to tiếng với anh A và anh V, bị quản lý quán cafe đuổi khỏi quán, D lái xe ô tô chở N, T và các anh A, Vinh đến quán bia địa chỉ số 2/76, phố An Dương phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố H để Phương B và đồng bọn đòi tiền của các anh A, Vinh. D không biết và không tham gia đánh để đòi tiền của 2 bị hại trên, nên hành vi của D không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Phạm Hùng D là có căn cứ.

Đối với đối tượng P, là người tham gia cùng nhóm của T, H đánh anh A và anh V để chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh N chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch, nên đã quyết định tách rút tài liệu để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, Lã Huy T và Nguyễn Ánh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Lời khai nhận tội của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị hại, nhân chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Cáo trạng số 120/CT-VKS-P2 ngày 21/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố: Lã Huy T, Nguyễn Ánh H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2019/HSST ngày 17/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố: Lã Huy T, Nguyễn Ánh H phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Lã Huy T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2017 đến ngày 20/01/2017.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Ánh H 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2017 đến ngày 13/02/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2019, bị cáo Lã Huy T có kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 27/5/2019, bị cáo Nguyễn Ánh H có kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và xem xét lại toàn bộ chứng cứ trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lã Huy T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan nhưng bị cáo thừa nhận được Phương B gọi đến quán cafe Hightland, bị cáo có đánh, ép người bị hại buộc anh V phải đưa tiền cho N, Phương B nhưng bị cáo cho rằng không đầu tư kinh doanh Bitcoin cùng N và Phương B và bị cáo cũng không được hưởng gì từ số tiền các bị hại chuyển cho N, Phương B.

Người bào chữa cho bị cáo Lã Huy T có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh đối với bị cáo T vì bị cáo không được hưởng lợi ích gì từ việc anh A, anh V đưa tiền cho Phương B và N. Việc các bị cáo thực hiện hành vi tại quán cafe Hightland là nơi đông người, dù nhóm của T có sử dụng vũ lực là dùng tay tát vào mặt người bị hại nhưng anh V, anh A chỉ bị thương nhẹ, T không hề biết giữa N, Phương B và các anh A, anh V có liên quan đến tiền bạc mà chỉ được Phương B gọi đến quán cà phê. Mặt khác T có dấu hiệu của người bị bệnh tâm thần cần được giám định bởi cơ quan chuyên môn chứ không thể chỉ nhìn bằng mắt thường mà khẳng định bị cáo không bị tâm thần. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi của người khác gây ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố đã mất, mẹ già yếu, có 4 con nhỏ. Mong Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét lại tội danh đối với bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ánh H có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh đối với bị cáo H vì địa điểm diễn ra sự việc tại quán cà phê là nơi đông người, H là phụ nữ có tát người bị hại là 2 người đàn ông, cần xem xét các bị hại có lâm vào tình trạng không thể kháng cự được hay không. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển sang tội danh “Cưỡng đoạt tài sản” đối với các bị cáo.

Tuy nhiên nếu xác định bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” thì đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn vì: Bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc

thiệt hại không lớn, bố, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bác ruột bị cáo là liệt sỹ, bị cáo có xác nhận của Công an thành phố H về việc có công giúp Công an điều tra tội phạm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình nuôi 3 con nhỏ, bị cáo có vai trò thấp hơn trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H có quan điểm: Bị cáo Lã Huy T không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên căn cứ lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, kết quả giám định, các tài liệu khác có cơ sở khẳng định: Hành vi của các bị cáo Lã Huy T và Nguyễn Ánh H cố ý dùng vũ lực (dùng chân, tay đánh, tát) và số đông (06 người) tạo áp lực làm cho các bị hại sợ, không thể kháng cự được, chiếm đoạt của các bị hại số tiền 737.900.000 đồng. Tội “Cướp tài sản” có cấu thành tội phạm hình nhân thân, việc các bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản hay chưa không phải là dấu hiệu bắt buộc, hành vi của các bị cáo như trên đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Kháng cáo của bị cáo Lã Huy T và Nguyễn Ánh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử oan sai, không đúng tội danh là không có căn cứ.

Bị cáo Lã Huy T và luật sư bào chữa có quan điểm yêu cầu trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo T do bị cáo khai cách đây 3 năm, bị cáo là cầu thủ bóng đá của câu lạc bộ bóng đá đường sắt, thường xuyên va chạm “đầu” với trái bóng nên có bị ảnh hưởng thần kinh, nhưng không đi khám, không có hồ sơ bệnh án. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo rành mạch, rõ ràng. Mặt khác, căn cứ lời khai của Nguyễn Ánh H tại bút lục 575, 576 “...T có kể cho tôi nghe là T đang đi chạy để làm giả hồ sơ T bị tâm thần để làm căn cứ đem nộp cho cơ quan pháp luật buộc họ phải trưng cầu giám định pháp y tâm thần...”. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo Lã Huy T. Bản án sơ thẩm có thiếu sót là áp dụng Điều 54, cần được sửa là khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Luật Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giám sát, kiểm tra việc chữa bệnh tâm thần đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B; sớm phục hồi điều tra bị can, phục hồi điều tra vụ án hình sự “Cướp tài sản” đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B để đưa vụ án ra truy tố, xét xử đúng quy định của pháp luật khi có đủ căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại H mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, bị cáo Nguyễn Ánh H vắng mặt. Ngày

30/11/2019, Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần 2, bị cáo H vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe yếu. Ngày 30/12/2019, Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần 3, bị cáo H có mặt. Ngày 11/02/2020, Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần 4, bị cáo H vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do ốm. Ngày 14/5/2020, Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần 5, bị cáo H đã nhận được giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo H.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lã Huy T cho rằng bị cáo có đánh người bị hại là anh Đào Công V, do anh V có hành vi đánh Bùi Phương B, hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Cướp tài sản”. Căn cứ vào lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai của Tô Tuyết N, Bùi Phương B, Nguyễn Ánh H; lời khai của các bị hại, NH chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Tô Tuyết N, Bùi Phương B, Lã Huy T và Nguyễn Ánh H có quan hệ quen biết với nhau. Năm 2016, N quen biết một người phụ nữ tên là K (hiện chưa rõ nhân thân), K rủ N tham gia đầu tư tiền ảo Bitcoin và giới thiệu N làm quen với anh Cao Quang A, anh A đã hướng dẫn N cách thức đầu tư và nộp tiền mua Bitcoin. N tham gia chơi và đã rủ Bùi Phương B; Phương B rủ Lã Huy T và Nguyễn Ánh H thông qua Phương B cùng tham gia đầu tư Bitcoin. Thời gian đầu hệ thống đầu tư tiền ảo trả tiền gốc và lãi đều, sau đó thông báo tạm ngừng hoạt động tại Việt Nam đến ngày 01/4/2017 sẽ hoạt động trở lại. N gọi điện cho anh A thấy tắt máy, không liên lạc được nên đã kể sự việc cho K, K cho N số máy của anh Đào Công V và giới thiệu là người đầu tổng hệ thống Bitcoin tại Việt Nam để N liên lạc. Do đó, ngày 02/01/2017, N và Phương B liên lạc với anh V, anh A và hẹn gặp tại quán cafe Highlands ở tại toà nhà 17T1, phố Hoàng Đạo Thúy; tại đây các đối tượng đã đe dọa anh V và anh A. Sau đó T đã tạt anh V buộc anh V phải viết giấy nợ 700.000.000 đồng, anh V sợ nên đã chuyển vào tài khoản của N 08 bitcoin tương đương 160.000.000 đồng. Tại quán bia ở số 2/76 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố H, N, Phương B, T, H, P yêu cầu anh A ký giấy nhận nợ 800.000.000 đồng do N viết, anh A không ký nên Phương B, T dùng tay đánh, tạt vào mặt anh A; H dùng tay tạt 02 cái vào mặt anh A; P dùng chân đá vào mặt anh A; do bị đau và sợ nên anh A đồng ý viết giấy nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng; H lấy hộp mực dấu màu trắng xám để anh A điểm chỉ vào giấy nhận nợ. N, Phương B, T, H tiếp tục yêu cầu anh V viết giấy nhận nợ; do lo sợ bị đánh nên anh V đã gọi điện cho bạn gái là chị Đặng Nhật L mang 100.000.000 đồng đến; tại nhà T, anh V đã chuyển trực tiếp 50.000.000 đồng vào tài khoản của Phương B, chuyển 27.900.000 đồng vào tài khoản của N. Đến tối cùng ngày khi N, Phương B, T, H đi ra đường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố H gặp chị L để nhận tiền thì bị cơ quan công an bắt giữ. Số tiền mà N, Phương B, T, H dùng vũ lực để chiếm đoạt của anh V, anh A là 737.900.000

đồng; các bị cáo T và H chưa được hưởng lợi gì từ số tiền chiếm đoạt của các bị hại. Toà án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Lã Huy T, Nguyễn Ánh H phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng sức khỏe và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, các bị cáo đã chiếm đoạt tiền của người bị hại với số tiền đặc biệt lớn. Do đó, phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có đơn kháng cáo, xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Lã Huy T tại phiên tòa bị cáo đề nghị xem xét về tội danh và xin giảm hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có tạt anh V và anh A; mục đích để cho N và Phương B chiếm đoạt tiền của người bị hại. Hành vi của bị cáo T đã bị Toà án cấp sơ thẩm quy kết về phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T đã nhận thức được hành vi của mình và đề nghị xem xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo chưa được hưởng lợi gì; bị cáo là đồng phạm giúp sức. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ánh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H khai nhận cùng bị cáo T, N và Phương B đe dọa, yêu cầu anh V và anh A phải trả số tiền 1.380.000.000 đồng; bị cáo dùng tay tát vào mặt anh A và bắt ép anh A viết giấy nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng; sau khi anh A viết xong bị cáo là người lấy hộp mực dấu màu trắng xám để anh A điểm chỉ vào giấy nhận nợ; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo T. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội; vai trò bị cáo là đồng phạm nên đã xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là 14 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư của bị cáo H cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng; bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình nuôi 03 con. Hội đồng xét xử phúc thẩm

chấp nhận đề nghị của luật sư giảm một phần hình phạt cho bị cáo H thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B tiếp tục kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giám sát, kiểm tra việc chữa bệnh tâm thần đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B; sớm phục hồi điều tra bị can, phục hồi điều tra vụ án hình sự “Cướp tài sản” đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B để đưa vụ án ra truy tố, xét xử đúng quy định của pháp luật khi có đủ căn cứ.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo Lã Huy T, Nguyễn Ánh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lã Huy T, Nguyễn Ánh H; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2019/HSST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H về phần hình phạt, cụ thể:

Tuyên bố: Các bị Lã Huy T, Nguyễn Ánh H phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lã Huy T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2017 đến ngày 20/01/2017.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ánh H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2017 đến ngày 13/02/2017.

2. Tiếp tục kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giám sát, kiểm tra việc chữa bệnh tâm thần đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B; sớm phục hồi điều tra bị can, phục hồi điều tra vụ án hình sự “Cướp tài sản” đối với Tô Tuyết N và Bùi Phương B để đưa vụ án ra truy tố, xét xử đúng quy định của pháp luật khi có đủ căn cứ.

3. Về án phí: Các bị cáo Lã Huy T, Nguyễn Ánh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Văn Tuấn

Ngô Tự Học

Lê Thị Thúy Bình